TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN NAM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 4 - 2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Hồng Cúc;
2. Bà Phan Thị Hải Thanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Xuân Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Tài Thị Cao Sâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 06/2025/TLST-HNGĐ ngày 16/01/2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 03 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lưu Quý Đ - sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận *(yêu cầu vắng mặt).*

Bị đơn: Chị Trượng Thị Thu M - sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong hồ sơ nguyên đơn - anh Lưu Quý Đ trình bày: Anh và chị Trượng Thị Thu M chung sống trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 05 ngày 19/01/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà cha mẹ chị M. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến khoảng đầu năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, chị M tự ý vay nợ bên ngoài mà không bàn bạc với anh khiến nợ nần

chồng chất, dẫn tới cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Anh đã cố gắng chịu đựng vì cuộc sống gia đình nhưng chị M vẫn không thay đổi tính tình khiến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2018 đến nay. Thời gian sống ly thân, vợ chồng không liên lạc hay có hướng quay lại với nhau; tình cảm vợ chồng hiện không còn, không thể hàn gắn để chung sống hạnh phúc nên anh yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn chị Trượng Thị Thu M.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung là: Lưu Lâm Tuệ T - sinh ngày 23/07/2010; Lưu Hải Đ1 - sinh ngày 16/11/2016 vả Lưu Nữ Trà M1 - sinh ngày 21/12/2018, hiện các cháu đang sống với chị M. Trong thời gian các con ở với chị M cuộc sống vẫn được bảo đảm tốt nên anh đồng ý giao chị M được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng các con. Hiện chị M không yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con nhưng anh đã thống nhất với chị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Trượng Thị Thu M: Toà án đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị M không đến Toà án làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, vắng mặt tại phiên toà không có lý do.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định cử Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, có yêu cầu vắng mặt theo quy định. Bị đơn mặc dù đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt nguyên, bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ chứng cứ trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Trượng Thị Thu M có địa chỉ cư trú tại thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2]. Việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Lưu Quý Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn chị Trượng Thị Thu M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy báo lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng chị M vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227,

điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ, chị M.

[1.3]. Quan hệ pháp luật: Anh Lê Quý Đ2 yêu cầu giải quyết ly hôn chị Trượng Thị Thu M và trách nhiệm nuôi con nên căn cứ khoản 1 điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

[2]. Nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Quý Đ và chị Trượng Thị Thu M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Puyện T, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05/2011 nên đủ cơ sở xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét về mâu thuẫn: Anh Lưu Quý Đ cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị M tự ý vay nợ bên ngoài nhưng không bàn bạc với anh khiến nợ nần chồng chất, dẫn tới cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Khi xảy ra mâu thuẫn anh đã cố gắng chịu đựng vì cuộc sống gia đình nhưng chị M vẫn không thay đổi tính tình khiến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn; anh và chị M đã sống ly thân nhau từ năm 2018 đến nay. Quá trình giải quyết, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng nhưng chị M không tham gia tố tụng, không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của anh Đ là tự tước bỏ quyền phản bác nên Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của anh Đ, khẳng định tình trạng hôn nhân giữa anh Đ và chị M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ.

[2.2]. Về con chung: Căn cứ lời khai của đương sự và giấy khai sinh số: 60/2019, 05/2011, 06/2011 của UBND xã P, huyện T xác định: Vợ chồng anh Đ, chị M chung sống có 03 con chung tên Lưu Lâm Tuệ T - sinh ngày 23/07/2010; Lưu Hải Đ1 - sinh ngày 16/11/2016 và Lưu Nữ Trà M1 - sinh ngày 21/12/2018. Các con hiện do chị M nuôi dưỡng. Anh Đ xác nhận chị M nuôi và chăm sóc con đảm bảo phát triển bình thường nên đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng các con. Tại Đơn trình bày ý kiến ngày 06/03/2025 của các cháu Lưu Lâm Lệ T1; Lưu Hải Đ1 và Lưu Nữ Trà M1 đều có nguyện vọng sống với mẹ nên giao chị M tiếp tục nuôi dưỡng các con là phù hợp pháp luật.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không có ý kiến hay yêu cầu gì nên chị M có quyền khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng vụ kiện khác.

[2.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ xác định không có và không yêu cầu nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Anh Lưu Quý Đ chịu 300.000,đ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 227, điều 228, điều 271 và điều 273 bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 56, điều 81, điều 82 và điều 83 luật hôn nhân và gia đình; điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lưu Quý Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Quý Đ được ly hôn chị Trượng Thị Thu M.

2. Về con chung: Giao chị Trượng Thị Thu M tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung: Lưu Lâm Tuệ T - sinh ngày: 23/07/2010, Lưu Hải Đ1 - sinh ngày 16/11/2016 và Lưu Nữ Trà M1 - sinh ngày 21/12/2018.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trượng Thị Thu M có quyền khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng vụ án khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Lưu Quý Đ phải chịu 300.000,đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000,đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0004854 ngày 16/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- UBND xã Phước Ninh;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Thức